

Số: /QĐ-UBND

Nguyệt An, ngày tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án: Khắc phục hậu quả bão số 5, số 6 và số 10 năm 2025 trên địa bàn xã Nguyệt An.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NGUYỆT AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29/11/2024; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 275/2025/NĐ-CP ngày 18/10/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: Số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 ban hành định mức xây dựng; số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình; số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024 sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban

hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng; số 08/2025/TT-BXD ngày 30/5/2025 sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; Số 60/2025/TT-BXD ngày 31/12/2025 về việc Sửa đổi, bổ sung một số nội dung các Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình và Thông tư số 14/2021/TT-BXD ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 940/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 của UBND xã Nguyệt Ấn về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Khắc phục hậu quả bão số 5, số 6 và số 10 năm 2025 trên địa bàn xã Nguyệt Ấn;

Căn cứ các Quyết định: Số 23/QĐ-UBND ngày 10/01/2026 của Chủ tịch UBND xã Nguyệt Ấn về việc phê duyệt đề cương, nhiệm vụ, dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu tư vấn quản lý dự án Khắc phục hậu quả bão số 5, số 6 và số 10 năm 2025 trên địa bàn xã Nguyệt Ấn; số 92/QĐ-UBND ngày 26/01/2026 của Chủ tịch UBND xã Nguyệt Ấn về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 01: Tư vấn quản lý dự án Khắc phục hậu quả bão số 5, số 6 và số 10 năm 2025 trên địa bàn xã Nguyệt Ấn; số 153/QĐ-UBND ngày 14/02/2026 của Chủ tịch UBND xã Nguyệt Ấn về việc phê duyệt đề cương, nhiệm vụ, dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu tư vấn khảo sát, lập báo cáo KTKT, tư vấn thẩm tra báo cáo KTKT dự án Khắc phục hậu quả bão số 5, số 6 và số 10 năm 2025 trên địa bàn xã Nguyệt Ấn; số 233/QĐ-UBND ngày 05/3/2026 của Chủ tịch UBND xã Nguyệt Ấn về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 02: Tư vấn khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án Khắc phục hậu quả bão số 5, số 6 và số 10 năm 2025 trên địa bàn xã Nguyệt Ấn; số 234/QĐ-UBND ngày 06/3/2026 của Chủ tịch UBND xã Nguyệt Ấn về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 03: Tư vấn thẩm tra báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án Khắc phục hậu quả bão số 5, số 6 và số 10 năm 2025 trên địa bàn xã Nguyệt Ấn;

Theo đề nghị của đơn vị QLDA (Công ty TNHH tư vấn đầu tư xây dựng & TM Tài An) tại Tờ trình số 116/TTr-TA ngày 01/04/2026 về việc phê duyệt dự án: Khắc phục hậu quả bão số 5, số 6 và số 10 năm 2025 trên địa bàn xã Nguyệt Ấn (Kèm theo thông báo thẩm định số 107/TĐ-KT ngày 02/4/2026 của phòng Kinh tế).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án: Khắc phục hậu quả bão số 5, số 6 và số 10 năm 2025 trên địa bàn xã Nguyệt Ấn với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Khắc phục hậu quả bão số 5, số 6 và số 10 năm 2025 trên địa bàn xã Nguyệt Ấn.

2. Địa điểm xây dựng: Xã Nguyệt Ân, tỉnh Thanh Hóa.

3. Người quyết định đầu tư: UBND xã Nguyệt Ân.

4. Chủ đầu tư: UBND xã Nguyệt Ân.

5. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập Báo cáo kinh tế- kỹ thuật đầu tư xây dựng: Công ty TNHH Đầu tư và xây dựng Đông Sơn.

6. Tổ chức tư vấn thẩm tra lập báo cáo Kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng: Công ty cổ phần xây dựng Đa Hà

7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính:

- Nhóm dự án: Dự án nhóm C

- Loại, cấp công trình chính: Công trình giao thông cấp IV.

- Thời hạn sử dụng của công trình chính: Theo quy định hiện hành của pháp luật.

8. Mục tiêu dự án: Khắc phục hậu quả do mưa bão trong năm 2025.

9. Quy mô đầu tư xây dựng:

a. Khắc phục khẩn cấp một số điểm sạt lở

- Đào xúc đất các điểm sạt lở

- Đắp đất nền đường một số điểm sạt lở đắp từng lớp một đảm bảo độ chặt $K \geq 0,95$;

- Mái ta luy nền đắp: 1/1,5;

b. Sửa chữa tường cánh tràn xả lũ – Hồ Hón Tùng:

- Thân tường bằng Bê tông cốt thép đá 1x2 M250.

- Móng tường bằng Bê tông cốt thép đá 1x2 M250.

- Lớp lót móng bằng bê tông đá 4x6 M100 dày 10cm.

c. Nhà vệ sinh trường THCS Phùng Giáo:

- Công trình có quy mô 01 tầng, mặt bằng kích thước 3,0m x 4,2m (khoảng cách tính từ tim trục đến tim trục). Chiều cao công trình là 3,6m trong đó: Tầng 1 cao 3,0m, phần mái cao 0,4m, cốt nền nhà (cốt ±0.00) cao hơn cốt mặt sân hoàn thiện 0,2m. Mặt bằng nhà bố trí 1 khu vệ sinh nam nữa riêng biệt. Nền lát gạch granite kích thước 300x300mm. Tường xây gạch không nung, trát VMX, bề mặt lăn sơn, toàn bộ tường trong nhà ốp gạch granite kích thước 300x600mm. Mái đổ BTCT. Cửa đi, cửa sổ sử dụng cửa kính khung nhôm hệ, kính mờ dày 6,38mm.

d. Sửa chữa, vá ổ gà đoạn tuyến đường nhựa từ ngã ba giao đường tỉnh 506E đến đường bê tông hiện trạng có chiều dài L=757m.

*** Đối với vị trí mặt đường bị ổ gà, bong lóc kết cấu, chiều sâu $H_{tb}=20\text{cm}$:**

- Đào cắt vuông cạnh, khôi phục mặt đường cũ bằng lớp móng đá dăm nước lớp dưới (4x6)cm dày 20cm sau đó láng nhựa mặt đường TCN 3,0kg/m²

*** Đối với vị trí mặt đường lún lõm, rạn nứt chiều sâu $H_{tb}=15\text{cm}$:**

- Tạo nhám mặt đường, khôi phục mặt đường cũ bằng cách bù vênh lớp đá dăm nước lớp dưới (4x6)cm dày 15cm sau đó láng nhựa mặt đường TCN 3,0kg/m².

e. Gia cố hạ lưu tràn làng Chằm:

- Kè gia cố có chiều dài L= 1,12m
- Móng và thân kè bằng đá học xây VXM M100
- Gia cố sân hạ lưu tràn bằng đá học lát khan có chít mạch VXM M100 dày 30cm.
- Rãnh thoát nước hình thang bằng bê tông xi măng M200 chiều dài L= 31,2m.

f. Cống bản thôn Rẻ

Cống được thiết kế mới có KĐ =1m, cống bản BTXM và BTCT.

* Cấu tạo các cống bản như sau:

- Bê tông đáy cống bằng BTXM M200 đổ tại chỗ.
- Bê tông thân cống bằng BTXM M200 đổ tại chỗ.
- Tấm bản bằng BTCT M250, mũ mố bằng BTCT M200.
- Bê tông phủ mặt đá 1x2, M300

g. Khắc phục thân đập hồ thôn Hợp Thành

- Xây dựng mới công lấy nước dưới thân đập tại vị trí công cũ đã bị hư hỏng do ảnh hưởng của bão. Hình thức công tròn, đường kính D300m; Thân công bằng ống thép dày 10mm, đặt trên móng bằng BTCT M250, cố định bằng các khớp nối cứng và mềm bằng BTCT M250; xung quanh công được bọc bằng đất sét. Phía thượng lưu bố trí khe phai và lưới chắn rác thuận lợi cho công tác vận hành. Phía hạ lưu bề xả đáy bằng BTCT M250, thành bằng BTT M200.

(Có hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công kèm theo)

10. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn.

- Quyết định số 932/QĐ-BGTVT ngày 18 tháng 07 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải: Thực hiện tiêu chí về giao thông thuộc bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới/xã nông thôn mới nâng cao và huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 10380:2014 Đường giao thông nông thôn - Yêu cầu thiết kế;

- Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 39:2022/TCĐBVN Thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nối trong xây dựng công trình giao thông;

- Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 38:2022/TCĐBVN Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế;

- Tiêu chuẩn thiết kế cầu đường bộ TCVN 11823:2017;

- Tiêu chuẩn thiết kế áo đường cứng đường ô tô 22 TCN 223:95;

- Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 5574:2018;
- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT;
- Tiêu chuẩn màng phản quang dùng cho báo hiệu đường bộ TCVN 7887:2008;
- Cống tròn bê tông cốt thép được thiết kế theo định hình thiết kế 78-02X;533-01-01; 533-01-02;
- Kết cấu thép tiêu chuẩn thiết kế TCXDVN 338:2005;
- Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 2737:1995;
- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn và tài liệu kỹ thuật khác có liên quan.
- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn khác liên quan.

11. Tổng mức đầu tư xây dựng; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng: 1.999.884.476 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, tám trăm tám mươi bốn nghìn, bốn trăm bảy mươi sáu đồng./.), trong đó:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Giá trị
1	Chi phí xây dựng	1.681.249.892
2	Chi phí quản lý dự án	51.136.840
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	238.152.939
4	Chi phí khác	11.899.342
5	Chi phí dự phòng	17.445.463
Tổng cộng		1.999.884.476

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

12. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2025 - 2026.

13. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn dự phòng ngân sách xã.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Thuê tư vấn quản lý dự án.

15. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên; phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư: Thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 2. Đơn vị Quản lý dự án (Công ty TNHH tư vấn đầu tư xây dựng & TM Tài An), Đơn vị tư vấn khảo sát, lập báo cáo KTKT (Công ty TNHH Đầu tư và xây dựng Đông Sơn), Đơn vị tư vấn thẩm tra lập báo cáo KTKT (Công ty cổ phần xây dựng Đa Hà) chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về trình tự, thủ tục, tính chính xác, phù hợp của nội dung đề nghị phê duyệt dự án.

Giao chủ đầu tư, đơn vị Quản lý dự án và các cơ quan, đơn vị liên quan theo chức năng, thẩm quyền thực hiện các bước tiếp theo, bảo đảm tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế; Chủ đầu tư, Giám đốc công ty TNHH tư vấn đầu tư xây dựng & TM Tài An, Phòng giao dịch số 9 - KBNN khu vực số XI và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND xã (để b/c);
- Trang TT điện tử xã;
- Lưu: VT, KT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lưu Đình Thường

TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Dự án: Khắc phục hậu quả bão số 5, số 6 và số 10 năm 2025 trên địa bàn xã Nguyệt Ấn.
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /4/2026 của Chủ tịch UBND xã Nguyệt Ấn)

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	Hệ số	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
1	Chi phí xây dựng				1.550.801.327	130.448.566	1.681.249.893	Gxd
1.1	Chi phí xây dựng công trình chính				1.550.801.327	130.448.566	1.681.249.893	
1.1.1	Ngã ba ĐT506E đi đường bê tông		1	Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục	341.990.093	29.911.742	371.901.835	
1.1.2	Hồ Hón Tùng		1	Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục	158.692.461	13.883.940	172.576.401	
1.1.3	Đường Trần làng Châm		1	Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục	39.673.198	3.454.451	43.127.649	
1.1.4	Nhà vệ sinh Trường THCS Phùng Giáo		1	Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục	203.948.802	16.977.362	220.926.164	
1.1.5	Cống bản thôn Rẻ		1	Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục	71.300.627	6.161.735	77.462.362	
1.1.6	Thân đập hồ thôn Hợp Thành		1	Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục	175.187.319	15.258.630	190.445.949	
1.1.7	Khắc phục khẩn cấp một số điểm sạt lở		1	Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục	560.008.827	44.800.706	604.809.533	
2	Chi phí quản lý dự án	3,024%		Theo QĐ số 92/QĐ - UBND ngày 26/01/2026	47.348.926	3.787.914	51.136.840	Gqlda
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng				220.511.981	17.640.958	238.152.939	Gtv
3.1	Chi phí khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật			Theo QĐ số 233/QĐ - UBND ngày 05/3/2026	164.986.111	13.198.889	178.185.000	
3.2	Chi phí thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (Thông tư 12/2021/TT-BXD)	0,336%	1,2	Theo QĐ số 234/QĐ - UBND ngày 06/03/2026	5.853.704	468.296	6.322.000	
3.3	Chi phí giám sát thi công xây dựng (Bảng 2.21 Thông tư 12/2021/TT-BXD)	3,203%		Dự toán gói thầu XD trước thuế x tỷ lệ	49.672.166	3.973.773	53.645.939	

4	Chi phí khác				11.899.342		11.899.342	Gk
4.1	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Thông tư 28/2023/TT-BTC)	0,019%		Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	500.000		500.000	
4.2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (Nghị định 254/2025/NĐ-CP)	0,57%		Giá trị quyết toán do chủ đầu tư đề nghị phê duyệt; Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	11.399.342		11.399.342	
5	Chi phí dự phòng						17.445.463	Gdp
5.1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	0,88%		(Ggpmb+Gxd+Gtb+Gqlda+Gtv+Gk) sau thuế x tỷ lệ			17.445.463	
	Tổng cộng				1.830.561.576	151.877.438	1.999.884.477	Gxdct

Số tiền bằng chữ: Một tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, tám trăm tám mươi bốn nghìn, bốn trăm bảy mươi bảy đồng./.